

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIA LÂM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**
Số 73/2020/HS-ST
Ngày 28/05/2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LÂM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Như Trọng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Huy Cự;
Ông Nguyễn Quang Hiến.

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Huyền Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Dung – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 05 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 58/2020/TLST-HS ngày 16 tháng 04 năm 2020 theo Quyết định đưa ra xét xử số 67/2020/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 05 năm 2020, đối với các bị cáo:

1. **Lương Văn T**, sinh năm 1998; đăng ký hộ khẩu thường trú: Bản C, xã N, huyện M, tỉnh Đ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; họ tên cha: Lương Văn D; họ tên mẹ: Lò Thị T; gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: 01 tiền án: Bản án số 77/2017/HSST ngày 17/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh xử phạt Lương Văn T 16 tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Ngày 21/9/2018 chấp hành xong hình phạt tù (chưa được xóa án tích).

Bị cáo bị bắt quả tang ngày 27/12/2019, tạm giữ từ ngày 28/12/2019 đến ngày 06/01/2020 chuyển tạm giam. Hiện đang bị áp dụng biện pháp tạm giam tại Trại tạm giam số 2, Công an thành phố Hà Nội, có mặt tại phiên tòa.

2. **Lò Văn T**, sinh năm 1984; đăng ký hộ khẩu thường trú: Bản B, xã B, huyện M, tỉnh Đ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 5/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; họ tên cha: Lò Văn M; họ tên mẹ:

Lò Thị T (đã chết); gia đình có 08 anh chị em, bị cáo là con thứ ba; họ tên vợ: Lò Thị B; bị cáo có 03 con, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt quả tang ngày 27/12/2019, tạm giữ từ ngày 28/12/2019 đến ngày 06/01/2020 chuyển tạm giam. Hiện đang bị áp dụng biện pháp tạm giam tại Trại tạm giam số 2, Công an thành phố Hà Nội, có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Lò Thị B, sinh năm 1984; đăng ký hộ khẩu thường trú: Bản B, xã B, huyện M, tỉnh Đ, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Lương Văn T và Lò Văn T là: Bà Hồ Thúy Sen – Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước thành phố Hà Nội, vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 21 giờ 40 phút, ngày 27/12/2019, tổ công tác Y20/141-Công an thành phố Hà Nội phối hợp cùng đồn Công an xã Yên Thường thuộc Công an huyện Gia Lâm làm nhiệm vụ tuần tra tại khu vực trạm đăng ký xe ô tô số 3, Công an Hà Nội thuộc địa phận Dốc Lã, Yên Thường, Gia Lâm, Hà Nội, phát hiện Lò Văn T điều khiển xe máy nhãn hiệu Yamaha Sirius màu đen, BKS 27B1-395.82 phía sau chở Lương Văn T, có biểu hiện liên quan đến ma túy. Quá trình kiểm tra phát hiện Lương Văn T và Lò Văn T có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Cơ quan Công an đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với T và T.

Về vật chứng thu giữ, gồm:

- Thu giữ của Lương Văn T: 04 gói giấy bạc màu trắng, bên trong đều chứa chất bột màu trắng; 01 túi nilong màu trắng bên trong có chứa 02 viên nén hình tròn màu hồng.

- Thu giữ của Lò Văn T, gồm:

- + 01 điện thoại di động OPPO màu trắng-vàng, cũ đã qua sử dụng, có lắp sim liên lạc;

- + 01 xe máy nhãn hiệu Yamaha Sirius màu đen, BKS 27B1-395.82, cũ đã qua sử dụng, số khung: 168580, số máy: 168586;

- + 01 ví giả da; số tiền 407.000 đồng (Bốn trăm linh bảy nghìn đồng).

Tại Kết luận giám định số 175/KLGD-PC09 ngày 06/01/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hà Nội, kết luận: Chất bột màu trắng bên

trong 04 gói giấy bạc màu trắng thu giữ của T đều là ma túy loại Heroine, tổng khối lượng 0,716 gam; 02 viên nén hình tròn màu hồng đều là ma túy loại Methamphetamine, tổng khối lượng 0,193 gam.

Tại cơ quan điều tra, Lường Văn T và Lò Văn T khai nhận: T và T là đối tượng nghiện chất ma túy, khoảng 20 giờ ngày 27/12/2019, khi đang ở lán trọ tại Kiều Ky, Gia Lâm, Hà Nội, T bảo T tạm ứng tiền lương cho T 700.000 đồng để mua quần áo và mua ma túy để sử dụng, T rủ T cùng đi mua ma túy, T đồng ý. T đến gặp anh Vũ Đức C, sinh năm 1978; ĐKHKTT: T, V, H là chủ nơi T và T làm việc, T xin anh Can cho tạm ứng 1.000.000 đồng (trong đó: 700.000 đồng ứng cho T và 300.000 đồng ứng cho T). Anh Can đồng ý và đưa cho T 1.000.000 đồng. Tạm ứng được tiền, T đi về phòng trọ gặp và đưa cho T 700.000 đồng để mua ma túy. T bảo T mua cho T 02 viên ma túy. T đồng ý và nói với T là T mua Heroine để T sử dụng. Sau đó, T điều khiển xe máy Yamaha Sirius màu đen, BKS 27B1-395.82 chở T đến khu vực thị xã Từ Sơn, Bắc Ninh tìm mua ma túy về sử dụng. Khi đến khu vực thị xã Từ Sơn, Bắc Ninh, T rẽ vào một ngõ nhỏ và đỗ xe máy đợi bên ngoài, T đi bộ đến trước một ngôi nhà có cổng sắt, qua khe cổng, T mua của một người (không rõ nhân thân) 04 gói ma túy Heroine và 01 túi nilong màu trắng bên trong có 02 viên nén là ma túy “ngựa” với giá 700.000 đồng. Sau khi mua được ma túy T cất giấu ma túy vào trong túi áo khoác phía trước bên phải T đang mặc và đi ra chỗ T đợi, T điều khiển xe máy chở T đi về hướng Hà Nội để quay về lán trọ. Khi đi đến khu vực Dốc Lã, Yên Thường, Gia Lâm thì T và T bị lực lượng Công an bắt quả tang cùng vật chứng nêu trên.

Đối với người bán ma túy cho Lường Văn T do không xác định được nhân thân nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý.

Đối với anh Vũ Đức C, quá trình điều tra anh Can không biết việc T yêu cầu tạm ứng tiền lương để mua ma túy. Do đó, không có căn cứ để xử lý đối với anh C. Anh C không có yêu cầu và đề nghị gì đối với số tiền 1.000.000 đồng đã đưa tạm ứng cho T.

Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha Sirius màu đen, BKS 27B1-395.82, số máy: 168568, số khung: 168580 thu giữ của Lò Văn T, quá trình kiểm tra xác minh đăng ký xe mang tên chủ sở hữu Lò Văn T. Nguồn gốc của chiếc xe này là do chị Lò Thị B (là vợ T) mua từ tháng 12/2016 tại một cửa hàng bán xe máy ở Mường Ảng, tỉnh Điện Biên với giá tiền là 16.000.000 đồng, toàn bộ tiền mua xe là tiền của chị B lao động mà có. Do chị B làm nghề trồng trọt,

chăn nuôi tại nhà nên ít khi sử dụng đến xe máy, còn T thường xuyên đi lao động tự do ở các khu vực tỉnh ngoài, xa nhà nên cần phải có xe máy để làm phương tiện đi lại. Vì vậy, chị B đã giao cho T đi làm thủ tục đăng ký nên tên chủ xe trên giấy tờ đăng ký là Lò Văn T. Từ đó, chị B đã giao chiếc xe máy cho T để sử dụng. Việc T sử dụng chiếc xe máy này vào việc phạm tội ngày 27/12/2019 như thế nào thì chị B không biết và không liên quan gì đến hành vi phạm tội của T. Chị B đã xuất trình đầy đủ giấy tờ đăng ký xe và có đơn xin lại chiếc xe máy này.

Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu trắng-vàng, cũ đã qua sử dụng có lắp sim liên lạc số 0865843400, 01 ví giả da và số tiền 407.000 đồng thu giữ là của T, không liên quan hành vi phạm tội của bị cáo.

Tại bản Cáo trạng số 60/CT-VKSGL ngày 16 tháng 04 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm truy tố các bị cáo Lương Văn T và Lò Văn T về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã khai tại cơ quan điều tra và Cáo trạng đã truy tố. Các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Lò Thị B trình bày: Chị là vợ của T, là người bỏ tiền ra mua chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha Sirius màu đen, BKS 27B1-395.82 và giao chiếc xe máy đó cho T để sử dụng. Việc T sử dụng chiếc xe máy này vào việc phạm tội ngày 27/12/2019 như thế nào thì chị không biết và không liên quan gì đến hành vi phạm tội của T. Chị đã xuất trình đầy đủ giấy tờ đăng ký xe cho cơ quan Công an và xin lại chiếc xe máy vì chiếc xe này là phương tiện đi lại chủ yếu và có ý nghĩa quan trọng trong đời sống lao động, sinh hoạt thường ngày của gia đình chị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm tham gia phiên tòa luận tội đối với các bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố theo Cáo trạng; sau khi phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân các bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Lương Văn T từ 26 đến 30 tháng tù,

thời hạn tù tính từ ngày 27/12/2019; không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo T.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Lò Văn T từ 18 đến 22 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 27/12/2019; không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo T.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu và tiêu hủy số ma túy thu giữ của các bị cáo; hoàn trả chị Lò Thị B chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha Sirius màu đen, BKS 27B1-395.82, số máy: 168568, số khung: 168580 thu giữ của Lò Văn T; hoàn trả Lò Văn T: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu trắng-vàng, cũ đã qua sử dụng có lắp sim liên lạc số 0865843400, 01 ví giả da và số tiền 407.000 đồng.

Người bào chữa cho bị cáo Lương Văn T và Lò Văn T vắng mặt tại phiên tòa và có quan điểm tại bản luận cứ như sau: Hai bị cáo là người có trình độ học vấn thấp, là người dân tộc thiểu số sống trong vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên nhận thức pháp luật còn hạn chế. Tại các cơ quan tiến hành tố tụng, các bị cáo thành khẩn khai báo, nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, có thái độ ăn năn hối cải. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Sau khi nghe Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội, các bị cáo không có tranh luận gì. Trong lời nói sau cùng, các bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Gia Lâm và Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân huyện Gia Lâm và Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan

tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Người bào chữa cho bị cáo Lương Văn T và Lò Văn T vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và đã gửi bản luận cứ bào chữa cho các bị cáo cho Tòa án. Tại phiên tòa, bị cáo T và bị cáo T đồng ý xét xử vắng mặt người bào chữa. Theo quy định tại Điều 291 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt người bào chữa cho các bị cáo đồng thời công bố bản luận cứ bào chữa cho các bị cáo tại phiên tòa.

[3] *Về hành vi phạm tội và tội danh*:

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người chứng kiến, biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, có đủ cơ sở kết luận:

Hồi 21 giờ 40 phút ngày 27/12/2019 tại Dốc Lã, Yên Thường, Gia Lâm, Hà Nội, các bị cáo Lương Văn T và Lò Văn T đang có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy Heroine có khối lượng 0,716 gam và ma túy Methamphetamine có khối lượng 0,193 gam để sử dụng, thì bị cơ quan Công an kiểm tra, bắt giữ cùng vật chứng. Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, xâm phạm chế độ độc quyền quản lý Nhà nước đối với các chất ma túy. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”; tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm truy tố các bị cáo theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] *Về hình phạt áp dụng đối với các bị cáo*:

[4.1] *Về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội*: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm chế độ độc quyền quản lý Nhà nước đối với các chất ma túy, gây mất trật tự trị an xã hội. Methamphetamine và Heroine là các chất ma túy rất độc hại, tàn phá và huỷ hoại sức khỏe con người, là một trong những nguyên nhân chính phát sinh ra các tệ nạn xã hội và các loại tội phạm đặc biệt nghiêm trọng khác trong đời sống xã hội. Trong những năm qua, tội phạm về ma túy trên địa bàn thành phố Hà Nội diễn biến rất phức tạp, Nhà nước, các cấp chính quyền và Đoàn thể rất quan tâm và nỗ lực tuyên truyền, giáo dục về tác hại của ma túy, kêu gọi toàn dân tích cực tham gia phòng chống tệ nạn về ma túy và tội phạm ma túy. Các bị cáo nhận

thức được tác hại và hậu quả do ma túy gây ra nhưng không tích cực phòng chống mà còn tàng trữ để sử dụng nên cần thiết phải xử lý nghiêm minh để giáo dục, cải tạo đối với các bị cáo và phòng ngừa chung; góp phần đấu tranh phòng chống tệ nạn và các tội phạm về ma túy trong đời sống xã hội.

[4.2] *Về đồng phạm*: Đây là một vụ án hình sự mang tính chất đồng phạm giản đơn do hai bị cáo cùng cố ý thực hiện tội phạm, trong đó: Lương Văn T là người khởi xướng, thực hành tích cực; Lò Văn T là người giúp sức tích cực. Nên các bị cáo cùng phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi của mình đã gây ra và cùng phải chịu một chế tài do điều luật đó quy định, song về nguyên tắc mỗi người đồng phạm phải chịu trách nhiệm độc lập về việc cùng thực hiện hành vi phạm tội, những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự liên quan đến bị cáo nào thì áp dụng đối với riêng bị cáo đó.

[4.3] *Về nhân thân các bị cáo*:

Bị cáo Lương Văn T là người nghiện ma túy, đã bị kết án về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”, nay lại tiếp tục phạm tội thể hiện ý thức coi thường pháp luật của bị cáo.

Bị cáo Lò Văn T là người nghiện ma túy, chưa có tiền án, tiền sự.

[4.4] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải. Hai bị cáo là người có trình độ học vấn thấp, là người dân tộc thiểu số sống trong vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, nhận thức pháp luật còn hạn chế nên có thể áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với cả hai bị cáo. Tuy nhiên, do bị cáo Lương Văn T đã từng bị kết án về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”, đã được giáo dục và nhận thức đầy đủ được việc thực hiện hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nay lại tiếp tục phạm tội nên không được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Như vậy, bị cáo T có 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự bị cáo T có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4.5] *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự*:

Bị cáo Lương Văn T đã bị kết án 16 tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo Bản án số 77/2017/HSST ngày 17/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh. Ngày 21/9/2018, chấp hành xong hình phạt tù. Đến nay chưa được xóa án tích. Theo quy định tại khoản 1 Điều 53 của

Bộ luật Hình sự thì lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm là tình tiết tăng nặng quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tổng hợp nhận định ở trên, Hội đồng xét xử nhận thấy cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian bằng việc áp dụng hình phạt tù có thời hạn để đảm bảo việc răn đe, giáo dục riêng đối với từng bị cáo và phòng ngừa chung như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Gia Lâm tại phiên toà là phù hợp.

[5] *Về hình phạt bổ sung*: Các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các bị cáo tại phiên toà thể hiện: Các bị cáo không có việc làm, thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] *Về xử lý vật chứng*: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

Đối với số ma túy thu giữ của các bị cáo là vật nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành nên cần tịch thu, tiêu hủy.

Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha Sirius BKS 27B1-395.82, số máy: 168568, số khung: 168580: Tuy đăng ký xe mang tên chủ sở hữu Lò Văn T nhưng nguồn gốc của chiếc xe này là do chị Lò Thị B (là vợ T) bỏ tiền ra mua đây là tài sản chung của vợ chồng. Chiếc xe là phương tiện đi lại chủ yếu và có ý nghĩa quan trọng trong đời sống lao động, sinh hoạt thường ngày của gia đình chị Lò Thị B nên hoàn trả chị Lò Thị B chiếc xe máy nói trên.

Hoàn trả Lò Văn T: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu trắng-vàng, cũ đã qua sử dụng có lắp sim liên lạc; 01 ví giả da và số tiền 407.000 đồng do không có liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo.

[7] *Về án phí*: Các bị cáo là người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[8] *Về quyền kháng cáo*: Các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[9] *Về các nội dung khác*:

Đối với đối tượng bán ma túy cho T thì T không biết tên tuổi, địa chỉ, đặc điểm nhận dạng, Cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với anh Vũ Đức Can, quá trình điều tra anh Can không biết việc T yêu cầu tạm ứng tiền lương để mua ma túy, Cơ quan điều tra không đề nghị xử lý nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh Can không đề nghị xem xét, giải quyết đối với số tiền 1.000.000 đồng đã đưa tạm ứng cho T nên Hội đồng xét xử không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. *Về tội danh:* Tuyên bố bị cáo Lương Văn T và Lò Văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. *Về hình phạt:*

2.1. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Lương Văn T 24 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 27/12/2019.

2.2. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo T.

2.3. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Lò Văn T 18 tháng tù thời hạn tù tính từ ngày 27/12/2019.

2.4. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo T.

3. *Về xử lý vật chứng:* Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu, tiêu huỷ ma túy loại Heroin, khối lượng 0,716 gam (đã trích mẫu giám định 0,022 gam), hiện tại còn lại 0,694 gam Heroin và ma túy loại Methamphetamine, khối lượng 0,193 gam (đã trích mẫu giám định 0,094 gam), hiện tại còn lại là 0,099 gam Methamphetamine, đựng trong 01 phong bì niêm phong có chữ ký của Lương Văn T, Lò Văn T và chữ ký của Giám định viên, cán bộ niêm phong do Phòng PC09-Công an thành phố Hà Nội hoàn lại sau giám định (tình trạng vật chứng như Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan điều tra Công an huyện Gia Lâm và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lâm ngày 21/05/2020).

Hoàn trả chị Lò Thị B chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha Sirius BKS 27B1-395.82, số máy: 168568, số khung: 168580 (tình trạng vật chứng như Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan điều tra Công an huyện Gia Lâm và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lâm ngày 21/05/2020).

Hoàn trả Lò Văn T: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, trong máy có sim liên lạc, máy cũ đã qua sử dụng; 01 ví giả da in hình tờ tiền 500.000 đồng, ví cũ đã qua sử dụng và số tiền 407.000 đồng (tình trạng vật chứng như Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan điều tra Công an huyện Gia Lâm và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lâm ngày 21/05/2020; số tiền 407.000 đồng hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lâm đang quản lý theo Biên lai thu tiền số AA/2010/0001790 ngày 21/05/2020).

4. *Về án phí:* : Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 14 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án kèm theo.

Miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm đối với bị cáo Lương Văn T.

Miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm đối với bị cáo Lò Văn T.

5. *Về quyền kháng cáo:* Áp dụng Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Lò Thị B có quyền kháng cáo những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Gia Lâm;
- Công an huyện Gia Lâm;
- Chi cục THADS huyện Gia Lâm;
- UBND xã B (thay cho Thông báo kết quả xét xử);
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Như Trọng